

Bản án số: 52/2022/HS-ST
Ngày 20/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Sơn
2. Ông Lưu Bình Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/HSST-QĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. P C T (tên gọi khác: Hai Càng); sinh ngày 06/7/1993; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: x Tân Thành (nối dài), Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P H N (chết) và bà L T K H; bị cáo chung sống với bà T T L nhưng không đăng ký kết hôn; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/5/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 32/2013/HSST. Chấp hành đến ngày 19/3/2015 hết án tha; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. P Đ T2 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 04/01/1996; tại Bắc Ninh; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: xxx Đường số x, phường xxxx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P Đ Đ và bà N T H; bị cáo có vợ tên là V T H Đ, có một con chung sinh năm 2020; tiền án: Ngày 07/5/2019 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 76/2010/HSST. Chấp hành đến ngày 07/12/2019 hết án tha;

tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. C V N (tên gọi khác: Không); sinh ngày 16/01/2000; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: Ấp xx, xã xx, huyện xx, tỉnh Tây Ninh. Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P V V và bà C T U; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 23/12/2020, phạm tội “Cướp giật tài sản” bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm 6 tháng tù theo Bản án số 175/2021/HS-ST ngày 19/11/2021. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù đối với Bản án này; bị cáo đã được di lý chuyển đến Nhà tạm giữ Công an Quận 11 từ ngày 01/4/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà L T N U, sinh năm 1991; nơi cư trú: x Thánh Tâm, Phường x, thành phố xx, tỉnh Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông T V S, sinh năm 1994; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: xã xx, huyện xx, tỉnh xxx. Chỗ ở: xx Phan Huy Ích, Phường x, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng Phạm Lan Anh, chứng thực số 545, quyền số 01SCT/CK,CD ngày 29/10/2021); vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà M L C, sinh năm 1967; nơi cư trú: x Lê Quang Sung, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông V Q T3, sinh năm 1989; nơi cư trú: x Lê Quang Sung, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông C T C2, sinh năm 1984; nơi cư trú: xx ấp Trung Đông 1, xã xxx, huyện xx, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo P C T*: Ông Nguyễn Tiến Mạnh và ông Nguyễn Anh Tuấn – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tiến Thắng; địa chỉ: x Cầu Xéo, phường xx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Anh Tuấn có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo P Đ T2*: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tiến Thắng; địa chỉ: x Cầu Xéo, phường xx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các đối tượng P C T, P Đ T2 và C V N là bạn bè quen biết với nhau ngoài xã hội. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020, đối tượng P C T điện thoại rủ đối tượng P Đ T2 đi cướp giật tài sản. Đối tượng T2 đồng ý và hẹn gặp đối tượng T tại công viên phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú. Sau đó, đối tượng T2 điện thoại cho đối tượng C V N rủ cùng đi cướp giật tài sản và hẹn gặp đối tượng N tại công viên phường Tân Sơn Nhì. Đối tượng N đồng ý. Đối tượng T2 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu đen,

biển số 68X1-747.09 đến nhà đối tượng T tại địa chỉ số xx Nguyễn Văn Săng, phường xxx, quận xx, sau đó chở đối tượng T ra công viên phường Tân Sơn Nhì. Khi đối tượng N đến công viên phường Tân Sơn Nhì thì cả ba cùng đi chung. Đối tượng T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu đen, biển số 68X1-747.09 chở đối tượng T2 ngồi phía sau, còn đối tượng N điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu bạc 59E1-448.48. Cả ba đối tượng điều khiển xe lưu thông trên nhiều tuyến đường để tìm cơ hội cướp giật tài sản. Khi đến trước nhà số 540 Minh Phụng, Phường 9, Quận 11, đối tượng T nhìn thấy bà L T N U đeo balô, đang đứng mua trái cây nên đối tượng T nói cho đối tượng T2 biết. Sau đó, đối tượng T điều khiển xe chạy lên lề đường rồi vòng lại chạy ngược chiều, đối tượng N cũng vòng xe lại chạy ngược chiều theo phía sau. Đối tượng T chở đối tượng T2 áp sát bà L T N U để đối tượng T2 dùng tay trái giật balô của bà U đang đeo trên vai rồi đối tượng T tăng ga, nhanh chóng chạy thoát. Khi đến trước nhà số 327/42 Lãnh Bình Thăng, Phường 8, Quận 11, đối tượng T dừng xe lại để đối tượng T2 kiểm tra tài sản trong balô vừa cướp giật được còn đối tượng N thì dừng lại phía sau đối tượng T2 và Thành. Tại đây, đối tượng T2 lục ba lô thì thấy có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 điện thoại di động Iphone XS, 01 điện thoại di động Iphone 5SE và số tiền Việt Nam 120.000 đồng. Đối tượng T2 đưa điện thoại hiệu Iphone XS cho đối tượng T. Sau đó, đối tượng T đưa lại điện thoại Iphone XS cho đối tượng N. Đối tượng T2 đưa điện thoại hiệu Iphone 5SE cho đối tượng N và ném ba lô trên vào thùng xốp.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản thì cả ba đối tượng chạy về công viên phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú. Tại đây, đối tượng N đưa lại điện thoại Iphone XS và Iphone 5 SE cho đối tượng T2 rồi đi về, còn đối tượng T2 điều khiển xe Exciter chở đối tượng T về nhà của đối tượng T và đưa lại hai điện thoại vừa chiếm đoạt được để đối tượng T mang đi bán.

Đối tượng T mang hai chiếc điện thoại đi bán, sau đó đưa cho đối tượng T2 số tiền là 3.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày 02/12/2020, đối tượng T2 điện thoại hẹn đối tượng N đến quán cà phê để chia tiền. Do đối tượng N còn thiếu đối tượng T2 1.000.000 đồng nên đối tượng T2 trừ nợ và đưa cho đối tượng N 500.000 đồng.

Đến ngày 07/12/2020, cả ba đối tượng T, Tuấn và Ngân hẹn nhau đi đá bóng đồng thời cùng thỏa thuận khi gặp người nào có tài sản sơ hở thì tiếp tục cướp giật tài sản. Khi các đối tượng lưu thông đến giao lộ đường số 2 – đường số 5A cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11 thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 11 yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính. Do trước đó vào ngày 02/12/2020, cả ba đối tượng T, T2 và N cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản tại trước nhà số 540 Minh Phụng, Phường 9, Quận 11 nên cả ba đối tượng sợ bị phát hiện nên cùng bỏ chạy. Các đối tượng T2 và N bỏ chạy thoát. Riêng đối tượng P C T bị bắt giữ cùng với phương tiện là xe mô tô hiệu Exciter màu đen, biển số 68X1-747.09. Qua lời khai của đối tượng P C T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xác định được đối tượng C V N đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Chí Hòa (T30) Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành làm việc thì đối tượng C V N thừa nhận hành vi như đã nêu trên. Tiến hành mở rộng điều tra, ngày 26/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 bắt giữ được đối tượng P Đ T2.

Đối với bị hại là bà L T N U, sau khi bị cướp giật tài sản, bà U đã đi đến Công an phường trình báo sự việc, đồng thời xác định tài sản bị chiếm đoạt là 01 ba lô màu xanh, bên trong có:

- 01 điện thoại Iphone XS 64GB màu Gold; 01 điện thoại Iphone 5SE 32GB màu Gold.

- Tiền Việt Nam 7.000.000 đồng (Quá trình điều tra, đối tượng P Đ T2 khai nhận số tiền trong balo là 120.000 đồng).

- 01 Chứng minh nhân dân; 01 Giấy đăng ký xe; 01 Giấy phép lái xe; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank đều mang tên L T N U.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị can P C T, P Đ T2 và C V N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Riêng bị can P C T sau đó thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội và khai không quen biết các bị can P Đ T2 và C V N.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 25/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 11 xác định trị giá của 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS đã qua sử dụng là 9.000.000 đồng; trị giá của 01 điện thoại di động Iphone 5SE đã qua sử dụng là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 02/12/2020 là 10.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động Iphone 5S, số imei: 352027061184682; 01 quần dài màu đen. Đây là tài sản cá nhân của bị can P C T.

- 01 biển số 68X1-747.09. Theo Bản kết luận giám định số 300/KLGD-TT ngày 11/01/2021 thì biển số trên là biển số giả.

- 01 ba lô màu xanh bị đứt dây đeo; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy đăng ký xe; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank. Ông D T Đ có nhà tại địa chỉ số xx Lũy Bình Thăng, Phường x, Quận x (gần nơi bị can P Đ T2 vứt bỏ balo vào thùng xốp) nhặt được chiếc ba lô cùng các đồ vật, tài sản và đã giao nộp lại cho Cơ quan Công an. Đây là tài sản mà bà U bị chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả cho bà L T N U.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, số khung: RLCE1S9408Y019516, số máy: 1S94-019516. Bị can P Đ T2 khai xe trên mua trên mạng xã hội không rõ lai lịch người bán. Tiến hành xác minh chiếc xe Exciter này, Cơ quan điều tra xác định được xe có chủ sở hữu là ông V Q T3. Qua làm việc được biết ông T3 có đưa xe cho mẹ ruột là bà M L C mượn sử dụng và bị trộm cắp vào ngày 29/01/2017 tại trước nhà số 63/1 Chu Thiên, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú. Qua xác minh xác định được bà M L C và ông V Q T3 không có đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú trình báo sự việc bị mất trộm xe. Công an Quận 11 đã xử lý vật chứng trả lại xe cho ông V Q T3.

- 03 đĩa CD chứa dữ liệu liên quan (lưu hồ sơ vụ án).

Về dân sự: Bà L T N U yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là 17.000.000 đồng (gồm 02 điện thoại di động trị giá 10.000.000 đồng và Tiền Việt Nam 7.000.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKSQ11 ngày 20/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị can P C T, P Đ T2 và C V N tội danh “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N thừa nhận hành vi cướp giật tài sản của bà L T N U vào ngày 02/12/2020 tại trước nhà số 540 Minh Phụng, Phường 9, Quận 11.

Bị hại là bà L T N U vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra. Bị hại có yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng và có ủy quyền cho ông T V S tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho bà U. Ông T V S vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày bổ sung.

Các bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền 17.000.000 đồng cho bị hại. Các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền là 10.120.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông V Q T3 và bà M L C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng là ông C T C2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị xử lý như sau:

- Đề nghị xử phạt bị cáo P C T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.
- Đề nghị xử phạt bị cáo P Đ T2 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.
- Đề nghị xử phạt bị cáo C V N từ 30 năm 06 tháng đến 04 năm tù.
- Đề nghị xử lý vật chứng như sau: Đưa vào hồ sơ vụ án 03 đĩa CD chứa dữ liệu liên quan vụ án; tịch thu tiêu hủy một biển số 68X1-747.09 và một quần dài màu đen; trả lại cho bị cáo P C T một điện thoại di động Iphone 5S.
- Đề nghị giải quyết phần trách nhiệm dân sự như sau: Đề nghị giải quyết buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà L T N U số tiền là 17.000.000 đồng.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo P C T như sau:

- Các bị cáo cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản nhưng không có sự tổ chức, bàn bạc, tính toán trước nên không có tính chất chuyên nghiệp. Mặc dù các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nhưng không có sử dụng các phương tiện khác hay vũ khí mang tính chất nguy hiểm. Về hậu quả, các bị cáo chỉ gây thiệt hại về tài sản là 10.120.000 đồng, tức là mức giá trị dưới 50.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, theo hướng dẫn tại Công văn số 994/VKSTC-V3 ngày 09/4/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Bị cáo P C T đã thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Mặc dù ban đầu bị cáo khai không thống nhất một số tình tiết nhưng là do bị cáo không

nhớ rõ. Ngoài ra, bị cáo đã ăn năn hối cải; do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Trước phiên tòa, bị cáo có ý định bồi thường cho bị hại nhưng bị hại vắng mặt nên không thể thực hiện bồi thường ngay; tuy nhiên bị cáo đã có ý chí bồi thường nên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là “bồi thường, khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của bị cáo P C T, bị cáo không có tiền án, không có tiền sự. Bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Do bị cáo P C T có ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo P Đ T2 như sau:

- Về động cơ phạm tội, bị cáo P Đ T2 bị rơi vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bế tắc do dịch bệnh covid-19 trong khi bị cáo có vợ và có con nhỏ sinh năm 2020 nên khi bạn gọi điện thoại rủ đi cướp giật tài sản thì bị cáo đồng ý ngay.

- Về tính chất phạm tội, các bị cáo cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản nhưng không có sự tổ chức, bàn bạc, tính toán trước nên không có tính chất chuyên nghiệp. Về hậu quả, các bị cáo chỉ gây thiệt hại về tài sản là 10.120.000 đồng, tức là mức giá trị dưới 50.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Trước phiên tòa, bị cáo có ý định bồi thường cho bị hại nhưng bị hại vắng mặt nên không thể thực hiện bồi thường ngay; tuy nhiên bị cáo đã có ý chí bồi thường nên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là “bồi thường, khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Quá trình trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo P Đ T2 có ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do bị cáo có tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa cho bị cáo P C T và bị cáo P Đ T2 như sau:

- Các bị cáo chưa bồi thường cho bị hại nên chưa có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi của các bị cáo là thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, ngoài ra, tội “Cướp giật tài sản” là loại tội có cấu thành vật chất nên không căn cứ vào giá trị tài sản thiệt hại để truy tố xét xử đối với các bị cáo. Vì vậy, không có cơ sở để áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo P C T và bị cáo P Đ T2 đối đáp như sau: Do bị hại vắng mặt nên bị cáo không thể thực hiện được việc bồi thường là tình thế khách quan; ngoài ra, Công văn số 994/VKSTC-V3 đã hướng dẫn là mức giá trị dưới 50.000.000 đồng là mức bình thường, mức thấp nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “gây thiệt hại không lớn”.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020, tại trước nhà số 540 Minh Phụng, Phường 9, Quận 11, bị cáo P C T đã có hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 68X1-747.09 chở bị cáo P Đ T2 và đi cùng với bị cáo C V N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu bạc; bị cáo P C T điều khiển xe áp sát vào xe của bà L T N U đang dừng bên đường, theo hướng ngược chiều để cho bị cáo P Đ T2 dùng tay giật chiếc ba lô của bà U rồi nhanh chóng tăng ga cùng với bị cáo C V N bỏ chạy.

Hành vi của các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N đã bị camera an ninh của Công an Phường 9 và Công an Phường 8, Quận 11 ghi lại hình ảnh.

Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc ba lô bên trong có giấy tờ tùy thân của bà L T N U và các tài sản khác. Theo lời khai của bà U thì các tài sản khác bên trong chiếc ba lô gồm có một điện thoại di động hiệu Iphone XS đã qua sử dụng trị giá 9.000.000 đồng, một điện thoại di động Iphone 5SE đã qua sử dụng trị giá 1.000.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận chiếm đoạt hai chiếc điện thoại nêu trên cùng số tiền là 120.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có cơ sở để xác định số tiền trong chiếc balo của bà U; do đó, Hội đồng xét xử không căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt để truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng khung hình phạt đối với các bị cáo mà căn cứ vào các tình tiết khác và các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo và xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống

xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo P C T là người rủ rê và điều khiển xe để bị cáo P Đ T2 trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và nhanh chóng tăng ga đưa hai bị cáo cùng tàu thoát; đồng thời, bị cáo T là người đi bán tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được và phân chia số tiền sau khi bán tài sản cho các bị cáo T2 và Ngân. Bị cáo C V N là người điều khiển xe mô tô đi theo phía sau xe của bị cáo P C T với vai trò làm cảnh giới, cùng chia hưởng lợi tài sản chiếm đoạt được. Vai trò của bị cáo P C T và bị cáo P Đ T2 trong vụ án là tương đương nhau, có mức độ nghiêm trọng hơn vai trò phạm tội của bị cáo C V N; do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nặng hơn đối với bị cáo P C T và bị cáo P Đ T2 so với bị cáo C V N.

[2] Về tình tiết định khung hình phạt:

Khi phạm tội, các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo P Đ T2 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo P C T và C V N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về xem xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo P C T và bị cáo P Đ T2:

Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của người bào chữa về việc các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử không chấp thuận lời bào chữa của người bào chữa về việc đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì thực tế đến ngày xét xử các bị cáo vẫn chưa bồi thường cho bị hại.

Hội đồng xét xử không chấp thuận lời bào chữa của người bào chữa về việc đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì hành vi của các bị cáo ngoài việc gây thiệt hại về tài sản còn gây hậu quả phi vật chất, gây ảnh hưởng xấu về trật tự, an toàn xã hội.

Hội đồng xét xử không chấp thuận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng khoản 1 Điều 54 và áp dụng khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng:

- Ba đĩa CD chứa dữ liệu hình ảnh liên quan vụ án do Công an Phường 8, Quận 11 và Công an Phường 9, Quận 11 lập biên bản trích xuất từ camera an ninh và do Cơ quan Cảnh sát điều tra ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xử lý lưu vào hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Một ba lô màu xanh bị đứt dây đeo; một giấy chứng minh nhân dân; một giấy đăng ký xe; một giấy phép lái xe; một thẻ ngân hàng Vietcombank. Đây là tài sản mà bà U bị chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả cho bà L T N U. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên không giải quyết lại.

- Một xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter, số khung: RLCE1S9408Y019516, số máy: 1S94-019516. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh và xác định được chiếc xe này do ông V Q T3 làm chủ sở hữu. Ông T3 có đưa xe cho mẹ ruột là bà M L C mượn sử dụng và bị mất vào ngày 29/01/2017. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã xử lý vật chứng trả lại cho ông V Q T3. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên không giải quyết lại.

- Một điện thoại di động Iphone 5S, số imei: 352027061184682. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo P C T không sử dụng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo.

- Một quần dài màu đen là tài sản cá nhân của bị cáo P C T, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có nhu cầu nhận lại. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, tiêu hủy.

- Một biển số 68X1-747.09 đã được xác định là biển số giả. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, tiêu hủy.

Về dân sự: Bị hại là bà L T N U yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng, bao gồm trị giá 02 chiếc điện thoại di động là 10.000.000 đồng và số tiền là 7.000.000 đồng. Các bị cáo không thừa nhận trong chiếc balo có số tiền là 7.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận có 120.000 đồng và các tài sản khác. Các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường số tiền là 10.120.000 đồng. Bà U và người đại diện theo ủy quyền là ông T V S không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền mặt có trong balo là 7.000.000 đồng, do đó, chưa có cơ sở để xem xét yêu cầu bồi thường của bà U đối với số tiền thiệt hại này. Bà U được quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để yêu cầu các bị cáo bồi thường đối với phần thiệt hại là số tiền 7.000.000 đồng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với trị giá 02 chiếc điện thoại di động là 10.000.000 đồng mà

các bị cáo đã thừa nhận và đồng ý bồi thường cho bà U thì Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà U.

[6] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N, điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo C V N:

Ngày 19/11/2021, bị cáo C V N bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 175/2021/HS-ST. Do bị cáo bị xét xử về tội đã phạm trước khi có Bản án số 175/2021/HS-ST nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo P C T;

Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo P Đ T2;

Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, khoản 1 Điều 56; Điều 58; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C V N;

Tuyên bố các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo P C T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2020.

Xử phạt bị cáo P Đ T2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2022.

Xử phạt bị cáo C V N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 175/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2020, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của Bản án số 175/2021/HS-ST ngày

19/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân (từ ngày 23/12/2020 đến ngày 20/7/2022).

Căn cứ Điều 106, Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Đưa vào hồ sơ vụ án ba đĩa CD chứa dữ liệu hình ảnh liên quan vụ án.

Tịch thu, tiêu hủy một quần dài màu đen và một biển số 68X1-747.09 (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 02/LNK-ĐCSHS ngày 18/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Trả lại cho bị cáo P C T một điện thoại di động Iphone 5S (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 02/LNK-ĐCSHS ngày 18/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N liên đới bồi thường cho bà L T N U số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà L T N U được quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để yêu cầu các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N bồi thường số tiền là 7.000.000 đồng khi có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo P C T, P Đ T2 và C V N cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng